

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 08/2025/DS-PT

Ngày: 17/02/2025

*“Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu;**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Trâm;**

Bà Lê Thị Hạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Đăng Phương Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐPT-DS ngày 10/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐPT-DS ngày 22/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐPT-DS ngày 07/02/2025 giữa:

****Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Ngày 12/10/2021, bà Nguyễn Thị Q cùng với ông Lê L tới nhà bà T vay tiền, bà Q là người đứng tên vay còn ông L là người làm chứng. Hôm đó, bà T

nói ngày mai bà T đem tiền về rồi làm giấy đi công chứng, nhưng bà Q với ông L nói là làm giấy đi rồi ngày mai nhận tiền cũng được. Ông L là người viết “Giấy vay mượn” trên. Ngày hôm sau (ngày 13/10/2021), bà Q tới nhà của bà T nhận số tiền 100.000.000 đồng. Khi bà Q nhận tiền, ông L không đi cùng nhưng có gọi điện thoại cho bà Q hỏi đã giao tiền chưa, nếu chưa giao tiền thì lấy lại giấy vay tiền. Vì lúc đó bà T đã giao tiền cho bà Q nên tờ “Giấy vay mượn” do bà T giữ. Sau khi vay tiền bà Q có đóng tiền lãi cho bà T 4 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Q trả cho bà T tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm, tương đương 833.333 đồng/tháng, tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 25/3/2024 là 21.123.287 đồng. Tổng cộng, bà T yêu cầu bà Q trả cho bà số tiền là 121.123.287 đồng.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Ngày 12/10/2021, bà có ký “Giấy vay mượn” của bà T số tiền 100.000.000 đồng, ông L là người viết giấy đúng như bà T trình bày. Bà T nói hôm sau ra phòng công chứng đưa tiền, nhưng hôm sau bà không thấy bà T gọi nên bà cũng không liên hệ với bà T và bà cũng chưa hề nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà T. Bà thừa nhận còn nợ bà T 40.000.000 đồng tiền chơi huê từ năm 2018, năm 2022 đã trả được 17.000.000 đồng, bà còn nợ bà T 23.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Nay bà T yêu cầu bà trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm, tương đương 833.333 đồng/tháng, tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 25/3/2024 là 21.123.287 đồng. Tổng cộng, bà T yêu cầu bà trả cho bà T số tiền là 121.123.287 đồng, bà không đồng ý vì bà chưa được nhận 100.000.000 đồng của bà T. Bà yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2021.

** Tại bản tự khai người làm chứng ông Lê L trình bày:* Vào ngày 12/10/2021, tại nhà bà Nguyễn Ngọc T, ông có viết giấy vay mượn tiền như trong giấy viết ngày 12/10/2021. Sau khi viết xong nội dung trong giấy vay mượn tiền trên thì ông nghe bà T nói là “để ra phòng công chứng rồi giao nhận tiền”, từ đó đến nay ông không biết gì quan hệ tiền bạc giữa bà T và bà Q. Tức là không biết gì về quan hệ tiền bạc giữa hai người trong tờ giấy mà ông đã viết. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc trên vắng mặt ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả số tiền 121.123.287 đồng (Một trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó, có 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi với lãi suất 10%/năm, tương đương 833.333 đồng/tháng, tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 25/3/2024 là 21.123.287 (Hai mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng); Hủy bỏ Giấy vay mượn ngày 12/10/2021 giữa bà Nguyễn Ngọc T với bà Nguyễn Thị Q. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên.

Ngày 02/4/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử vụ án này, ngày 02/4/2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung:

Ngày 12/10/2021, bà Nguyễn Thị Q cùng với ông Lê L tới nhà bà Nguyễn Ngọc T vay tiền. Bà Q là người đứng tên vay còn ông L là người viết giấy vay mượn tiền. Bà T thống nhất cho bà Q vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), thời hạn một năm kể từ ngày 12/10/2021 đến ngày 12/10/2022. Hôm sau tức là ngày 13/10/2021, bà Q đến nhà bà T nhận số tiền 100.000.000 đồng, khi bà Q nhận tiền, ông L không đi cùng nhưng có gọi điện thoại cho bà Q hỏi bà T đã giao tiền chưa, nếu chưa giao tiền thì lấy lại giấy vay tiền. Vì lúc đó bà T đã giao tiền nên tờ “Giấy vay mượn” do bà T giữ. Sau khi vay tiền, bà Q có đóng tiền lãi cho bà T 4 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Q lại cho rằng ngay tại thời điểm ký giấy vay mượn tiền bà chưa nhận tiền, bà T hẹn qua ngày mai (tức là ngày 13/10/2021) ra văn phòng công chứng ký và giao tiền nhưng thực tế bà không thấy bà T gọi nên bà cũng không liên hệ với bà T cũng như chưa nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà T. Bà thừa nhận còn nợ bà T 40.000.000 đồng tiền chơi huê từ năm 2018, năm

2022 đã trả được 17.000.000 đồng. Vì vậy, bà Q chỉ còn nợ bà T 23.000.000 đồng cho đến nay chưa trả.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Theo nội dung vụ án cho thấy, giữa bà T và bà Q có ký giấy vay mượn tiền ngày 12/10/2021, theo đó bà T cho bà Q mượn số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), thời hạn một năm kể từ ngày 12/10/2021 đến ngày 12/10/2022, không quy định lãi suất. Bà T và bà Q đều thừa nhận cả hai có ký vào giấy mượn tiền. Bà T có cung cấp Giấy vay mượn tiền bản gốc, ngoài giấy vay mượn tiền này các bên không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình. Cụ thể: nguyên đơn khai bà Q có đóng tiền lãi 4 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng; bị đơn khai không nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà T, bị đơn còn nợ bà T 40.000.000 đồng tiền chơi huê từ năm 2018, năm 2022 đã trả được 17.000.000 đồng, bà còn nợ bà T 23.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Nếu trường hợp bà Q chưa nhận số tiền 100.000.000 đồng từ bà T thì bà Q phải có trách nhiệm thu hồi lại Giấy mượn tiền mà mình đã ký. Tuy nhiên, thực tế cho thấy G mượn tiền vẫn còn tồn tại bản gốc, nghĩa là quan hệ vay mượn tiền giữa bà T và bà Q phát sinh từ giấy mượn tiền này. Tất cả các lời khai của bà T cũng như bà Q đều không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận những lời khai này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay mượn tiền ngày 12/10/2021 giữa bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Q, là chứng cứ duy nhất làm phát sinh quan hệ tranh chấp giữa các bên, để xem xét đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, phù hợp với nội dung vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bị đơn để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở, là vi phạm nguyên tắc đánh giá chứng cứ, chưa xem xét tính hợp pháp của chứng cứ, vi phạm Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy giấy mượn tiền lập ngày 12/10/2021 nhưng không thụ lý yêu cầu này của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm sâu sắc về vấn đề này.

Vì những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm, tương đương 833.333 đồng/tháng, tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 25/3/2024 là 21.123.287 đồng.

[3] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 25/3/2024 là 21.123.287 đồng (*Hai mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là 121.123.287 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*).

* *Quy định:* Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 6.056.164 đồng (*Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. H lại cho bà Nguyễn Ngọc T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai số AA/2022/0001602 ngày 03/11/2023 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006035 ngày 10/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã Ninh Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn, Văn phòng.

Bùi Thị Bích Liễu